

TỪ KINH ĐÔ VĂN LANG XƯA ĐẾN THĂNG LONG - HÀ NỘI

Hà Kế San*

Cha ông ta đã từng nói: "Con người có tổ có tông, như cây có cội, như sông có nguồn". Câu ca ấy sống mãi cùng năm tháng, đi suốt chiều dài lịch sử kể từ thừa các vua Hùng dựng nước, lập nên nhà nước Văn Lang - Nhà nước đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Với những công trình nghiên cứu khoa học, lịch sử và các di chỉ khảo cổ xung quanh khu vực núi Nghĩa Lĩnh (xã Hy Cương, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ) đã minh chứng mấy ngàn năm trước dải đất từ Việt Trì đến Đền Hùng và một số địa danh phụ cận là đất phát tích của người Việt. Nơi đây đã ra đời một kinh đô đầu tiên, nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và Đền Hùng là nơi thờ tự 18 đời vua Hùng theo tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt. Với ý nghĩa "trung tâm" của một quốc gia, Văn Lang là kinh đô đầu tiên; Thăng Long - Hà Nội là Thủ đô hiện tại của nước Việt Nam văn hiến. Câu chuyện chọn đất đóng đô của các vua Hùng và của Lý Công Uẩn có biết bao điều thú vị...

Văn Lang là tên gọi của quốc gia Việt Nam thời các vua Hùng dựng nước. Văn Lang vừa là tên nước lại vừa là tên gọi của kinh đô thời đại Hùng Vương. Đó chính là vùng đất được xác định trên không gian văn hoá là vùng Việt Trì, Phù Ninh, Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ ngày nay.

Thời kỳ Hùng Vương chưa có sử liệu chính xác, chưa có chính sử, cho nên nhận thức về thời đại này ngoài sự nghiên cứu của các ngành như khảo cổ học, dân tộc học, nhân chủng học... còn dựa vào các truyền thuyết dân gian, mà cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng viết: "Những truyền thuyết dân gian thường có một cái lõi là sự thật lịch sử mà nhân dân qua nhiều thế hệ đã gửi gắm vào đấy tâm tình tha thiết của mình cùng với thơ và mộng".

Theo *Truyền thuyết Hùng Vương* khi lên ngôi, Vua Hùng đã đi nhiều nơi trong vùng Phú Thọ mà nay tương ứng thuộc địa danh Thanh Vân, Đông Lĩnh, núi Thẩm (Thanh Ba); Ao Châu (Hạ Hoà); Xuân Lộc (Thanh Thủy) và cuối cùng chọn vùng đất từ ngã ba sông Bạch Hạc tới quanh núi Nghĩa Lĩnh làm nơi đóng đô. Truyền thuyết kể rằng: "Vua đi mãi nơi này, nơi khác mà chưa tìm được nơi nào có thể định đô. Đi tới một vùng, trước mặt có ba sông hội tụ, hai bên có Tản Viên, Tam Đảo châu về, có đồi núi gần xa, có đồng ruộng tươi tốt, có dân cư đông vui. Lại giữa vùng đồi có một quả núi cao hẳn lên như đầu một

* Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Phú Thọ.

con rồng, còn những dãy kia như những khúc rồng uốn lượn. Vua cả mừng thấy núi non kỳ tú, đất tốt, sông sâu, cây cối xanh tươi. Vua Hùng chọn nơi đây làm đất đóng đô, có thể hiểm để giữ, có thể để mở, có chỗ để muôn dân hội tụ. Đó là Kinh đô Văn Lang xưa". Phạm vi Kinh đô Văn Lang kéo dài từ ngã ba sông Bạch Hạc về tới núi Nghĩa Lĩnh. Vùng đất địa linh này là đỉnh của tam giác châu thổ sông Hồng, có bãi sa bồi, có rừng núi và đồi, thoáng rộng và tiện thông thương giữa hai miền ngược và xuôi bằng đường thủy, lại có thể hiểm trở để chống giữ với các cuộc xâm lược của ngoại bang.

Trên vùng đất Kinh đô Văn Lang có đậm nét di sản văn hoá cả vật thể và phi vật thể. Trước hết là di sản văn hoá phi vật thể với rất nhiều lễ hội dân gian, trò diễn dân gian, dân ca nghi lễ, diễn xướng dân gian và những câu hát hội làng, những truyền thuyết và những câu ca dao, tục ngữ, những câu phương ngôn đậm thắm gắn với phong tục, tín ngưỡng cổ truyền của các cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Tương ứng với các giá trị văn hoá phi vật thể là các giá trị văn hoá vật thể với gần 60 địa điểm khảo cổ học đã được xuất lộ và nghiên cứu. Điều đó chứng minh rằng: khu vực Đền Hùng khoảng 2 thiên niên kỷ tr. CN đã có đông người Việt đến tụ cư lập nghiệp, hội đủ các giai đoạn văn hoá từ Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun đến Đông Sơn. Với các giá trị đặc sắc và những di vật truyền thống quanh khu vực Đền Hùng cho thấy cuộc sống của cư dân Việt cổ và các nghi lễ nông nghiệp cổ xưa thời Hùng Vương. Đây chính là điểm khởi đầu của nền văn minh lúa nước, văn minh sông Hồng. Cố Giáo sư Trần Quốc Vượng đã khẳng định rằng: "Đền Hùng là thánh địa của cư dân Việt cổ".

Từ ngàn xưa, kinh đô Văn Lang đã được ghi trong sử sách cũng như trong truyền thuyết dân gian và in đậm trong dấu ấn chinh phục thiên nhiên, phát triển cuộc sống của người Việt. Mỗi địa danh trên đất Việt Trì đều gắn với một vùng đất đai truyền thuyết như: Ngã ba Bạch Hạc là nơi Lạc Long Quân và Âu Cơ chia tay nhau dẫn các con đi khai khẩn đất đai mở mang bờ cõi; Bến Gót là nơi tiên ông vừa ngồi câu cá vừa nghĩ đặt tên cho 100 người con trai của Lạc Long Quân, Minh Nông là nơi vua Hùng dạy dân cấy lúa, Tiên Cát là nơi Vua dựng lầu kén rể, Hương Tràm là ruộng lúa nếp hương dùng gói bánh dâng vua cúng tế đất trời...

Đặc biệt là Đền Hùng - nơi thờ tự linh thiêng các Vua Hùng. Quần thể di tích Đền Hùng thuộc xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Khu vực Đền Hùng ngày nay nằm trong địa phận của kinh đô Văn Lang cổ xưa. Năm 2004, Khu di tích lịch sử Đền Hùng đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 48/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch phát triển tổng thể đến năm 2015, với tổng diện tích tự nhiên 1.030ha. Tâm điểm của Khu di tích Đền Hùng có ba ngọn tổ sơn, cao nhất vùng, là: núi Hùng (còn có tên là núi Nghĩa Lĩnh, tên cổ xưa là núi Cả - độ cao 175m so với mặt biển), núi Vặn (còn có tên gọi là núi Ốc Sơn - độ cao 170m so với mặt biển), núi Trọc (còn có tên gọi là Bạch Đầu Sơn - độ cao 151m so với mặt biển). Nơi đây còn là vùng đất gắn với hoạt động sinh thời của các vua Hùng, đền Trung - nơi vua cùng các Lạc hầu, Lạc tướng bàn việc nước; đền Hạ - nơi mẹ Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng nở ra trăm con; đền Thượng - nơi vua Hùng tế trời đất, cầu cho mưa thuận, gió hoà; cầu cho quốc thái, dân an; đền Giếng - nơi Tiên Dung, Ngọc Hoa soi gương chải tóc... Bên cạnh những di tích cổ là những công trình mới xây dựng nằm trong khu vực này như: đền Lạc Long Quân, đền Tổ Mẫu Âu Cơ.

Đền Hùng là điểm hội tụ văn hoá tâm linh của người Việt, là nơi tưởng nhớ, tôn vinh công lao các vua Hùng đã có công dựng nước, là biểu tượng của nghĩa đồng bào và

khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam. Các vua Hùng, từ đời này qua đời khác, đã xây dựng nước Văn Lang với một nền văn minh lúa nước và một nền văn minh sông Hồng rực rỡ từ các giai đoạn văn hoá tiền Đông Sơn đến văn hoá Đông Sơn, một nền văn hoá, nghệ thuật truyền thống phong phú, độc đáo. Từ đó, đất Tổ Hùng Vương trở thành cội nguồn dân tộc, nơi đặt nền móng cho sự phát triển mạnh mẽ và vững bền của dân tộc Việt Nam. Về đất Tổ, về Đền Hùng là tìm về cội nguồn dân tộc, vì chính nơi đây đã diễn ra bao sự kiện trọng đại đối với dân tộc ta trong buổi đầu dựng nước và giữ nước, là trung tâm sinh tụ và phát triển của người Việt cổ, nơi các vua Hùng đã đến để tiến hành những nghi lễ tín ngưỡng của dân, dạy dân làm ruộng, đánh giặc và bàn bạc các việc hệ trọng của đất nước. Theo truyền thuyết kể lại, mẹ Âu Cơ đã sinh bọc trăm trứng với trăm người con trong cùng một bọc, từ đó cho ra đời cái nghĩa đồng bào thiêng liêng như "Con một cha, nhà một nóc" mà mỗi người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam chúng ta đều cảm thấy như một tình cảm máu thịt của mình.

Từ bao đời nay, đồng bào Việt Nam luôn luôn tôn kính và tri ân các vua Hùng đã có công dựng nước. Đền Hùng là nơi quy tụ con cháu Lạc Hồng ở khắp mọi miền Tổ quốc. Mọi người Việt Nam thuộc các dân tộc, tầng lớp, thế hệ, già trẻ, gái trai... dù ở trong nước hay đang sinh sống ở nước ngoài đều có chung một Tổ, một ngày giỗ Tổ, chung một cội nguồn. Vì vậy, giỗ Tổ Hùng Vương đã trở thành tình cảm thiêng liêng sâu đậm trong tâm khảm của nhân dân ta từ bao đời nay. Giỗ Tổ cũng trở thành biểu tượng của giá trị văn hoá, tinh thần vô cùng sâu sắc và độc đáo của dân tộc Việt Nam, thể hiện nguồn tự hào, sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và truyền thống uống nước nhớ nguồn, góp phần làm nên sức mạnh dân tộc Việt Nam trong tiến trình dựng nước và giữ nước.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, Đền Hùng đã bị thiên tai và thời gian tàn phá, nhưng nhân dân ta từ đời này qua đời khác đã bảo vệ, tôn tạo, xây dựng để làm nơi hương khói tổ tiên. Những di sản văn hoá của thời đại Hùng Vương là vô cùng quý giá, là niềm tự hào về cội nguồn dân tộc, mà chúng ta phải có trách nhiệm giữ gìn để khẳng định tinh thần của thời đại Hùng Vương là bất diệt, mãi mãi trường tồn cùng với lịch sử của đất nước.

Từ xa xưa cho đến nay và mãi mãi về sau, Đền Hùng, giỗ Tổ Hùng Vương đã, đang và sẽ trở thành nơi hội tụ của con cháu từ khắp mọi miền đất nước với ý nghĩa tôn vinh tổ tiên và truyền thống đạo lý của dân tộc. Tiếp tục công cuộc dựng nước, giữ nước của các vua Hùng và các thế hệ cha anh, các thế hệ hôm nay và mai sau dốc sức, đồng lòng và tin tưởng vững bước tiến vào thế kỷ mới, với niềm tự tin và sức mạnh đã được khuôn đúc qua hàng ngàn năm lịch sử.

Đền Hùng không chỉ là di tích lịch sử văn hoá mà còn là tài sản vô giá của nhân dân cả nước Việt Nam. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tin tưởng giao cho đồng bào các dân tộc tỉnh Phú Thọ trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ, cùng các tỉnh, thành trong cả nước đóng góp sức lực và trí tuệ vào việc tu bổ, tôn tạo khu di tích Đền Hùng để mãi mãi xứng đáng với giá trị truyền thống quý báu và lâu đời của lịch sử và dân tộc, như lời phát biểu của cố Tổng Bí thư Lê Duẩn khi lên thăm Đền Hùng ngày 5/5/1977: "Phải xây ngọn tháp tưởng niệm các vua Hùng; để từ Đền Hùng nhìn ra cả nước và cả nước hướng về Đền Hùng".

Ngày nay, vị thế và tầm quan trọng của Đền Hùng ngày càng được nâng cao trong tiềm thức của mỗi người dân Việt Nam. Ngày 23/3/2007, Quốc hội đã thông qua nghị quyết bổ sung dự án Luật Sửa đổi, bổ sung Điều 73 của Bộ luật Lao động, quy định người

lao động nghỉ một ngày vào lễ giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch). Đặc biệt, ngày 12/8/2009, Thủ Tướng Chính phủ ra Quyết định số 1272-QĐ/TTg công nhận khu di tích lịch sử Đền Hùng là di tích Quốc gia đặc biệt.

Kinh đô Văn Lang xưa có mối liên hệ và sự tác động đến quá trình hình thành và phát triển của Kinh đô Thăng Long. Trong thư tịch cổ thì bộ Văn Lang là bộ lớn nhất trong 15 bộ, nằm ở trung tâm của quốc gia Văn Lang nơi hợp lưu giữa ba dòng sông: sông Hồng, sông Lô, sông Đà, gồm cả một vùng đất đai rộng lớn từ thềm Ba Vì tới chân Tam Đảo thuộc các miền đất Phú Thọ, Vĩnh Phúc, một phần Hà Nội, Tuyên Quang, Yên Bái ngày nay. Địa bàn này được phân làm hai phần rõ rệt; vùng gò đồi đất giữa do nền phù sa được nâng lên bởi vận động tạo sơn và vùng đất đồng bằng màu mỡ do hợp lưu của ba dòng sông tạo thành. Trên vùng đất đó, khảo cổ học đã phát hiện được nhiều di chỉ liên tục của hệ thống văn hoá Phùng Nguyên vào thời đại đồng thau. Thành phố Việt Trì thuộc Kinh đô Văn Lang ở vào trung tâm bộ Văn Lang, nơi đây, các di chỉ khảo cổ học với mật độ dày đặc, gồm đủ bốn giai đoạn văn hoá: từ Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun đến Đông Sơn.

Sự phát hiện di chỉ khảo cổ học Phùng Nguyên với bốn đợt khai quật đã mở đầu cho việc nghiên cứu xác định nơi cư trú của tổ tiên ta thời dựng nước trên đất Phú Thọ. Các điểm khảo cổ học thuộc giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun phân bố dày xung quanh khu vực Đền Hùng, dấu vết văn hoá Đông Sơn cũng được phát hiện ở nhiều điểm trên vùng đất Phong Châu (gồm Lâm Thao, Phù Ninh, Tam Nông) lan toả đến ngã ba Bạch Hạc (Việt Trì). Cùng với việc chiếm lĩnh đồng bằng, các cư dân Phùng Nguyên đã để lại nhiều dấu vết của mình ở nơi hội tụ ngã ba sông. Làng Cả là một khu di chỉ nổi tiếng thuộc phường Thọ Sơn, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ với gần chục héc-ta vừa là nơi cư trú, vừa là khu mộ táng của người Việt cổ cách đây mấy ngàn năm. Nằm giữa một khu vực "đất thiêng" mà những huyền thoại, truyền thuyết và thư tịch cổ đan xen dày đặc và đều nói đến một kinh đô Văn Lang xưa ở chính khu vực này. Kết quả của các đợt khai quật khảo cổ học đã cho thấy đây không chỉ là một khu mộ lớn thời Hùng Vương mà còn là khu mộ của những thời đại sau này. Chứng tỏ đây đã từng là một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá phát triển và có tính liên tục: thời Hùng Vương - thời Bắc thuộc - thời phong kiến tự chủ. Có thể truyền thuyết, thư tịch từng đề cập đến một dạng kinh đô của nhà nước sơ khai thời Hùng Vương ở vùng ngã ba sông hàm chứa một phần sự thật lịch sử, trong đó, di tích Làng Cả trở thành di tích nổi bật để nghiên cứu thời này.

Mối quan hệ giữa Kinh đô Văn Lang - Phú Thọ với Thăng Long - Hà Nội chính là sự lan toả của các di chỉ khảo cổ học, dấu vết của sự phát triển dân số và di cư của con người, từ đỉnh tam giác châu thổ sông Hồng với Phong Châu - Việt Trì là trung tâm đầu tiên thời dựng nước, về Cổ Loa thời Thục An Dương Vương (thế kỷ III tr. CN), rồi Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội cách mấy nghìn năm sau. Theo các tài liệu đã được xác minh, Kinh đô Văn Lang chính là điểm "hội nhân" đầu tiên của quốc gia Văn Lang cổ đại. Cũng từ thế đứng vững chắc của hợp lưu ngã ba sông, những thế hệ người Việt bằng trí tuệ, sự quả cảm và lao động bền bỉ đã tiếp tục tạo dựng nên một vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng rộng lớn, rồi hướng về khản hoang phương nam và tiến ra Biển Đông khai phá, làm chủ những vùng quần đảo.

Khoảng thế kỷ III tr. CN, Thục Phán (An Dương Vương) kế nghiệp vua Hùng dựng nước Âu Lạc, dời đô xuống miền Cổ Loa. Đây là bước kế tục và phát triển cao hơn, trên

phạm vi rộng lớn hơn thời Văn Lang, nhất là trên lĩnh vực quân sự. Kinh đô Cổ Loa đi vào lịch sử với tư cách là kinh thành, thị thành, quân thành, trung tâm đầu não chính trị, kinh tế của nước Âu Lạc. Năm 179 tr. CN, nước Âu Lạc bị Triệu Đà thôn tính. Kể từ đó, Âu Lạc rơi vào ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc kéo dài ngàn năm, vùng đất Thăng Long - Hà Nội trở thành đại bản doanh của chính quyền đô hộ. Nửa sau thế kỷ VIII, Kinh lược sứ nhà Đường là Trương Bá Nghi tổ chức đắp La Thành. Năm 865 - 866, Tiết độ sứ Cao Biền cho đắp đê thành Đại La.

Trong hơn mười thế kỷ Bắc thuộc, nhân dân Thăng Long - Hà Nội cũng như nhân dân cả nước luôn nêu cao tinh thần yêu nước, bất khuất, quật cường chống quân xâm lược. Năm 40, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa ở Hát Môn đập tan ách đô hộ của nhà Hán, đóng đô ở Mê Linh, khôi phục nhà nước độc lập. Năm 542 - 544, Lý Bí - hào trưởng Thái Bình (vùng Sơn Tây cũ), dấy binh đánh đuổi giặc Lương, lên ngôi hoàng đế, chọn đất dựng chùa “Khai Quốc”, đóng đô ở vùng đất thuộc Thăng Long - Hà Nội (ngày nay), đặt quốc hiệu của nước là Vạn Xuân. Khoảng năm 766 - 779, Phùng Hưng - thủ lĩnh vùng Đường Lâm khởi binh kéo đại quân từ vùng núi Ba Vì về bao vây thành Đại La, lật đổ ách đô hộ nhà Đường, xây dựng chính quyền độc lập tới năm 791. Năm 905, Khúc Thừa Dụ - hào trưởng đất Hồng châu nổi dậy chiếm giữ phủ thành Đại La, tự lập làm Tiết độ sứ, xoá bỏ chính quyền đô hộ. Năm 931, hào trưởng Dương Đình Nghệ tiến quân từ Ái châu (Thanh Hoá) ra Bắc, đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi thành Đại La, khôi phục nền tự chủ từ năm 931 đến năm 937.

Thời tiền Thăng Long các bậc đế vương của nước ta, như: An Dương Vương, Hai Bà Trưng, Lý Nam Đế, Ngô Quyền đều đã chọn đất thuộc vùng Thăng Long - Hà Nội để đóng đô, xây dựng nền độc lập.

Thời nhà Đinh, đóng đô ở Hoa Lư (Ninh Bình). Đến năm 1010, ngay sau khi lên ngôi, Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La, đổi tên thành Đại La là thành Thăng Long. Chọn Thăng Long làm kinh đô, Lý Công Uẩn đã đứng trên “chủ thuyết phát triển” và cái nhìn toàn cục của quốc gia để chọn lấy một dải đất đặc địa bậc nhất của nước Đại Cồ Việt xây dựng trung tâm đầu não về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, thể hiện cao độ ý chí độc lập, tự cường dân tộc. Vào giai đoạn này, kinh đô Thăng Long đã thực sự trở thành một trung tâm chính trị - kinh tế, văn hoá lớn nhất và tiêu biểu cho cả nước.

Trong các triều đại Lý, Trần, Lê, mặc dù trải qua nhiều cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm oanh liệt, song với vị thế là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của đất nước, kinh đô Thăng Long vẫn có bước phát triển mạnh mẽ.

Đến đầu thế kỷ XIX, Nguyễn Ánh lên ngôi, lập nên nhà Nguyễn (từ năm 1802 - 1945) và chọn Huế làm Kinh đô. Thăng Long trở thành lỵ sở của tỉnh Hà Nội. Nhưng Hà Nội vẫn là một trung tâm kinh tế, văn hoá lớn, là thành phố đứng đầu cả nước về nghệ thuật, công nghiệp, thương nghiệp, văn hoá...

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược và đô hộ nước ta. Sau hơn 80 năm bị áp bức, bóc lột của chế độ thực dân, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, chính thức khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội ngày 6/1/1946 thành

công, tại phiên họp đầu tiên, Quốc hội đã quyết định Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược, tại Đền Hùng, ngày 19/9/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ, nói chuyện với Đại đoàn quân Tiên phong trước khi về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, Người căn dặn:

Các Vua Hùng đã có công dựng nước

Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.

Đây không chỉ là lời dặn dò riêng đối với cán bộ, chiến sỹ Đại đoàn quân Tiên phong, mà còn là lời di huấn của Người cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta và muôn đời con cháu mai sau.

Như vậy, từ Kinh đô Văn Lang đến Kinh đô Thăng Long - Hà Nội trải qua hàng ngàn năm lịch sử - đến thiên niên kỷ II sau Công nguyên, thời kỳ độc lập tự chủ, bằng việc dời đô từ Hoa Lư tới định đô ở Thăng Long "ở vào nơi trung tâm trời đất, được các thế rồng cuộn, hổ ngồi...". Từ đây trở đi Thăng Long đã trở thành kinh đô của quốc gia Việt Nam qua các triều đại độc lập, tự chủ "Vốn xưng nền văn hiến đã lâu".

Từ truyền thuyết "Bọc trăm trứng nở thành trăm người con trai" thời Hùng Vương đến chuyện "Hội thề trên bờ sông Như Nguyệt" với sự ra đời của bài thơ thần thời Lý (năm 1077) *Nam quốc sơn hà* đến bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 2/9/1945 khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã toát lên sự khởi nguyên của nguồn mạch khẳng định chủ quyền của một quốc gia độc lập, tự chủ. Sự kiện đó là cầu nối của thời đại lịch sử: Từ Văn Lang thời đại Hùng Vương đến Thăng Long - nhà Lý và Hà Nội - thời đại Hồ Chí Minh.

Từ hình tượng "Cha Rồng mẹ Tiên" gắn với huyền tích "Vua Hùng chọn đất đóng đô" đến hình tượng "Rồng bay" trong *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn được cất nghĩa như là biểu tượng sức mạnh trường tồn của một dân tộc trong hàng ngàn năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ Kinh đô Văn Lang đến Kinh đô Đại Việt là hành trình liên tục của lịch sử dựng nước và giữ nước. Kinh đô Văn Lang - kinh đô đầu tiên của người Việt nơi "*Sơn châu thủy tụ*" đất tốt, sông sâu, có thể hiểm để giữ, có thể để mở, là nơi muôn dân hội tụ nên vua Hùng đã chọn làm nơi đóng đô, đây là kế sách cho quốc gia được bảo toàn, muôn dân phát triển. Thăng Long - Hà Nội là đất "Rồng cuộn, hổ ngồi" núi sông sau trước, đất đai rộng rãi, bằng phẳng, là nơi bốn phương tụ hội, cũng là kế sách mà Lý Công Uẩn mong cho vận nước lâu dài, dân cư phồn thịnh. Kinh đô Văn Lang là nơi cội nguồn, Thăng Long - Hà Nội, Thủ đô hiện đại là nơi mở mang phát triển với thế giới. Những lợi thế về điều kiện tự nhiên cũng như về địa chính trị, địa kinh tế để mỗi người cùng góp sức xây dựng Thủ đô Hà Nội ngày nay là "Thủ đô văn hiến, anh hùng, vì hoà bình".

Di tích lịch sử Đền Hùng, nơi ghi dấu ấn Kinh đô Văn Lang, Nhà nước đầu tiên của dân tộc Việt và cho đến ngày nay, Đền Hùng luôn có giá trị vô cùng to lớn trong đời sống tinh thần của người dân đất Việt, là biểu tượng của tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, là cội nguồn sức mạnh, niềm tin chói sáng của một nền văn hoá, là điểm hội tụ văn hoá tâm linh trong cội nguồn tâm thức của người dân đất Việt. Di sản quý giá ấy kết tinh thành truyền thống yêu nước, tinh thần tự cường dân tộc, tính cần cù trong lao động, sáng tạo

mà bao thế hệ cháu con quyết tâm gìn giữ. Truyền thống ấy kết tinh thành sức mạnh, thành bản sắc riêng của dân tộc Việt. Tinh thần yêu nước, lòng tự cường dân tộc trở thành niềm tin chân lý, trải qua tiến trình lịch sử để chúng ta có Thăng Long - Hà Nội hôm nay là quá trình tiếp biến khách quan, chân lý ấy vẫn đang hiển hiện trong lòng dân tộc. Thăng Long - Hà Nội là niềm tự hào, là nơi nhân dân cả nước hướng về, là nơi dân tộc Việt có thể ngẩng cao đầu sánh vai với các cường quốc năm châu. Tinh thần yêu nước, lòng tự cường dân tộc là sợi chỉ đỏ xuyên suốt bắt nguồn từ buổi khai sinh lập nước mà Văn Lang là nền tảng vững chắc. Cho tới hôm nay, trải qua mấy ngàn năm lịch sử để chúng ta có được Thăng Long - Hà Nội, "Nơi lắng hồn núi sông ngàn năm", nơi hội tụ và tiếp nối truyền thống cội nguồn. Bốn nghìn năm để kết tinh thành giá trị là một chặng đường dài mà không phải dân tộc nào cũng có được. 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội là minh chứng hùng hồn cho sự tiếp nối ấy, đó là quá trình tiếp nối lịch sử. Thăng Long - Hà Nội đang kế thừa truyền thống hào hùng của dân tộc để khẳng định tầm vóc, giá trị Việt Nam trên trường quốc tế.

Thăng Long - Hà Nội, Kinh đô nước Đại Việt xưa - Thủ đô nước Việt Nam ngày nay là vùng đất địa linh, nhân kiệt, nơi tinh hoa dân tộc, hội tụ khí thiêng sông núi và là biểu tượng của nền văn hiến Việt Nam. Hà Nội - thành phố hoà bình - nơi trí tuệ và văn hoá Việt Nam luôn tỏa sáng.